

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 4 – 2023

V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cho
2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TL.ST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Cẩm T

Địa chỉ: Ấp 3A, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Quốc L

Địa chỉ: Ấp 3A, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T trình bày: Bà và ông Lâm Quốc L nhờ mai mối mà tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên

nhân là do không hợp nhau về phong cách sống, cách sinh hoạt trong gia đình. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Lâm Quốc L trình bày như sau:

Ông và bà Lê Thị Cẩm T nhờ mai mối mà đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Ông, bà đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Đối với yêu cầu của bà T, ông đồng ý yêu cầu tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Bà T và ông L vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm T đối với ông Lâm Quốc L về việc tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông L; Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Cẩm T và ông Lâm Quốc L chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến nay phát sinh mâu thuẫn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L. Ông L có địa chỉ cư trú ở ấp 3A, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng

dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà T và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà T và ông L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà T đối với ông L.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Bà T và ông L khai thống nhất không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm T đối với ông Lâm Quốc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Cẩm T và ông Lâm Quốc L là vợ chồng.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0012439 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà T đã nộp xong án phí).

4. Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T và bị đơn ông Lâm Quốc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn Bảy Ngàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chúc Linh